

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HS-ST

Ngày: 16/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Mạnh và bà Vũ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2024/TLST-HS ngày 29/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HS ngày 28/6/2024, các quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa, đối với các bị cáo:

1. **Vũ Thị N**, sinh năm 1968 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; có chồng (đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/01/24, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. **Lê Thị L**, sinh năm 1986 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Phạm Thị N1; có chồng và có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

+ Bà Phạm Thị H,

+ Ông Nguyễn Thừa H1.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường mầm non N là đơn vị sự nghiệp công lập, có con dấu và tài khoản riêng, kinh phí hoạt động chủ yếu từ nguồn ngân sách của Nhà nước cấp. Vũ Thị N là Hiệu trưởng từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/8/2022; Lê Thị L là kế toán từ ngày 07/8/2017 đến nay; Chị Vũ Thị N2, sinh năm 1973, trú tại thôn D, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương là giáo viên kiêm thủ quỹ từ năm 2018 đến năm 2021 và chị Vũ Thị

L1, sinh năm 1994, trú tại thôn A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương là cán bộ y tế kiêm thủ quỹ từ năm 2018 đến năm 2020 thì nghỉ việc.

Thực hiện Quyết định số 07-QĐ/UBKTHU ngày 12/8/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Bình Giang về việc kiểm tra đối với Vũ Thị N có dấu hiệu vi phạm trong quản lý, sử dụng các nguồn thu, chi tài chính của trường. Kết quả kiểm tra, UBKT Huyện ủy Bình Giang kết luận từ năm 2018 đến năm 2021, Vũ Thị N và Lê Thị L đã lập khống chứng từ để rút tiền từ Ngân sách Nhà nước. Ngày 05/3/2023, Công an xã Nhân Quyền đã báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang về những sai phạm của Vũ Thị N và Lê Thị L. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra, xác định:

Năm 2018, để chuẩn bị cho việc đón Trường chuẩn Quốc gia nên Vũ Thị N đã tự ý sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị dẫn đến việc nhà trường phát sinh nhiều khoản nợ. Để giải quyết các khoản nợ cũng như để có kinh phí chi cho các hoạt động khác của nhà trường (các khoản ngân sách Nhà nước không được chi), từ năm 2018 đến 2021, Vũ Thị N đã chỉ đạo Lê Thị L lập khống các loại hồ sơ, chứng từ để rút tiền từ Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Lập khống hồ sơ giáo viên thực hiện công tác phổ cập giáo dục để rút tiền từ Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Thực hiện Kế hoạch của Phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục năm học 2019 - 2020. Ngày 02/8/2019, N và cô giáo Phạm Thị H, sinh năm 1972, trú tại thôn B, xã N, huyện B, là Phó Hiệu trưởng trường Mầm non N đã họp Ban lãnh đạo và phân công cô H phụ trách công tác phổ cập giáo dục, N và cô H cùng thống nhất phân công 11 giáo viên làm công tác phổ cập giáo dục. Tại nghị quyết họp Lãnh đạo và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường mầm non N năm 2019 xác định có 12 giáo viên được phân công làm công tác điều tra phổ cập giáo dục (kể cả cô H - Phó Hiệu trưởng phụ trách), xóa mù chữ trong 2 ngày (07/8/2019 và 08/8/2019), mỗi giáo viên làm công tác điều tra phổ cập sẽ được hỗ trợ 150.000 đồng/1 ngày từ ngân sách Nhà nước. Ngày 31/8/2019, L lập danh sách 12 cô giáo thực tế làm công tác phổ cập giáo dục và lập khống thêm danh sách 23 cô giáo không làm công tác phổ cập giáo dục với số tiền 16.800.000 đồng, đồng thời lập ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử theo danh sách đã lập để rút tiền từ Kho bạc nhà nước. Sau đó L trình danh sách và các chứng từ cho N ký duyệt để chuyển đến Kho bạc nhà nước huyện rút dự toán ngân sách từ tài khoản nhà trường theo Ủy nhiệm chi ngày 10/10/2019. Sau khi Kho bạc nhà nước duyệt chi và chuyển số tiền 16.800.000 đồng đến tài khoản của nhà trường, ngày 10/10/2019, L làm thủ tục chuyển 16.800.000 đồng vào tài khoản số 46010003554xxx - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (là tài khoản cá nhân của L), không chi trả cho các giáo viên làm công tác phổ cập mà tự quản lý để cùng N sử dụng vào công việc chung của trường. Như vậy, năm 2019 L đã lập chứng từ rút dự toán chi công tác phổ cập giáo dục là 16.800.000 đồng, trong đó số tiền rút đúng để chi cho 12 cô giáo làm phổ cập theo quy chế chi tiêu nội bộ là 3.600.000 đồng; số tiền lập khống là 13.200.000 đồng.

2. Lập khống chứng từ rút tiền Ngân sách Nhà nước từ hợp đồng thuê bảo vệ:

Tháng 01/2019, N ký hợp đồng thuê ông Nguyễn Thừa H1, sinh năm 1952, trú tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương làm bảo vệ cho nhà trường với mức lương thực tế là 2.300.000 đồng/1 tháng. Tuy nhiên, N đã ký thêm 1 hợp đồng khác với ông H1 với mức lương là 3.000.000 đồng/1 tháng. Sau đó N bảo L sử dụng hợp đồng 3.000.000 đồng/ tháng để lập chứng từ rút tiền trả công bảo vệ từ Ngân sách Nhà nước để được 700.000 đồng tiền chênh lệch mỗi tháng. Từ tháng 01/2019 đến 11/2021, L đã lập chứng từ rút tiền từ ngân sách Nhà nước mỗi tháng 3.000.000 đồng trả tiền công bảo vệ nhưng thực tế N và L chỉ trả ông H1 2.300.000 đồng/tháng. Tổng số tiền gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước trong việc chi trả công bảo vệ là $700.000 \text{ đồng/1 tháng} \times 35 \text{ tháng} = 24.500.000 \text{ đồng}$.

3. Lập khống hồ sơ rút tiền chi trả chế độ chính sách cho trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Hàng năm Chính phủ có chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 kèm theo Hướng dẫn số 966/SGDĐT-KHTC ngày 13/8/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương (gọi tắt là Nghị định 86). Theo quy định của Nghị định 86 học sinh đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí học tập phải có cha, mẹ thuộc diện hộ nghèo, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc học sinh khuyết tật có khó khăn về kinh tế (hộ nghèo hoặc cận nghèo).

Để thực hiện chính sách này tại cuộc họp Hội đồng nhà trường, với tư cách là Hiệu trưởng, N thông báo cho các giáo viên chủ nhiệm các lớp thông báo đến cha mẹ học sinh cung cấp giấy chứng nhận gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật nộp cho L lập danh sách để rút ngân sách chi trả cho học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định 86.

Từ năm 2018 đến năm 2021, N đã chỉ đạo L lập danh sách 98 lượt học sinh đủ điều kiện hưởng chế độ chính sách với số tiền chi trả là 93.263.000 đồng. Ngoài ra N chỉ đạo L lập khống 14 lượt học sinh không đủ điều kiện (lập tên trùng nhau, không học tại trường, chưa đến tuổi đi học đã lập danh sách, học sinh thuộc hộ cận nghèo nhưng lập là hộ nghèo) rút tổng số tiền 18.918.000 đồng về ngân sách nhà trường, trong đó: năm 2018 là 3 học sinh = 3.418.000 đồng, năm 2019 là 7 học sinh = 11.604.000 đồng, năm 2020 là 3 học sinh = 3.166.000 đồng, năm 2021 là 1 học sinh = 730.000 đồng.

Toàn bộ số tiền lập khống từ các khoản trên đều đã được quyết toán xong, N chỉ đạo L quản lý và sử dụng chi cho các hoạt động của nhà trường, như trả các khoản nợ của nhà trường, chi hoạt động đi học tập kinh nghiệm cho giáo viên nhà trường... Không có căn cứ để xác định N và L chiếm đoạt số tiền trên.

Như vậy tổng số tiền N và L lập khống chứng từ để rút tiền ngân sách Nhà nước là 49.304.000 đồng (trong đó tiền phổ cập giáo dục là 13.200.000 đồng, tiền chi khống bảo vệ là 24.500.000 đồng, tiền chi chế độ chính sách năm 2019 là 11.604.000 đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 230/KTHS ngày 15/9/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Chữ ký đứng tên Vũ Thị N tại các mục: “Thủ trưởng đơn vị”, “Hiệu trưởng”, “Người duyệt” trên các tài liệu cần giám định (Dự trù kinh phí phổ cập, danh sách phân công cán bộ, giáo viên làm công tác phổ cập, quyết toán kinh phí, danh sách chi hỗ trợ ban chỉ đạo, giáo viên làm phổ cập năm 2019, bảng tổng hợp cấp bù học phí, chi phí hỗ trợ học tập, hỗ trợ tiền ăn) với chữ ký của Vũ Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Thị L tại các mục “người lập”, “kế toán” trên các tài liệu cần giám định (Dự trù kinh phí phổ cập, danh sách phân công cán bộ, giáo viên làm công tác phổ cập, quyết toán kinh phí, danh sách chi hỗ trợ ban chỉ đạo, giáo viên làm phổ cập năm 2019, bảng tổng hợp cấp bù học phí, chi phí hỗ trợ học tập, hỗ trợ tiền ăn) với chữ ký của Lê Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “Trường mầm non N” trên các tài liệu cần giám định (Dự trù kinh phí phổ cập, danh sách phân công cán bộ, giáo viên làm công tác phổ cập, quyết toán kinh phí, danh sách chi hỗ trợ ban chỉ đạo, giáo viên làm phổ cập năm 2019, các chứng từ rút tiền Nghị định 86) với hình dấu có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số 32/KTHS ngày 08/02/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ ký tên Vũ Thị N trên sổ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 với chữ ký của Vũ Thị N trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 35/KTHS ngày 05/02/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ ký tên Vũ Thị N trên sổ nghị quyết họp lãnh đạo nhà trường năm học 2019-2020 với chữ ký của Vũ Thị N trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra trưng cầu giám định chữ ký trên mục ký nhận tiền của danh sách số học sinh nêu trên. Tại Kết luận giám định số 316 ngày 22/11/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký tại mục ký nhận của các phụ huynh học sinh với chữ ký mẫu của các phụ huynh học sinh có phải do cùng một người ký ra hay không.

Ngày 25/7/2022, Lê Thị L đã nộp lại vào ngân sách nhà nước số tiền 63.048.000 đồng (gồm tiền rút chi trả học sinh theo Nghị định 86 là 22.464.000 đồng, tiền phổ cập giáo dục là 16.800.000 đồng, tiền chênh lệch công bảo vệ là 23.800.000 đồng). Đối với các gia đình được hưởng chế độ theo Nghị định 86 và các cô giáo làm công tác phổ cập đều có quan điểm không nhận lại số tiền được hưởng.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 26/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Bình Giang để xét xử đối với Vũ Thị N và Lê Thị L về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố là đúng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Vũ Thị N, Lê Thị L phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 30/01/2024. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị L đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình phù hợp với lời khai của những người liên quan, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra, bị cáo Vũ Thị N chỉ thừa nhận hành vi chỉ đạo L lập không chứng từ rút tiền thuê bảo vệ, đối với hành vi rút tiền chi chế độ theo Nghị định 86 và chi công tác phổ cập, bị can cho rằng mình do thiếu trách nhiệm và quá tin tưởng kế toán L nên đã không kiểm tra tài liệu trước khi ký duyệt vào các danh sách và chứng từ do L lập, trình ký. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo L, sỏ hợp nghị quyết lãnh đạo, sỏ quy chế chi tiêu nội bộ, các Kết luận giám định và các tài liệu do Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Bình Giang thu thập, các chứng từ rút ngân sách, lời khai của các giáo viên cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, Vũ Thị N là Hiệu trưởng trường mầm non xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đã lợi dụng chức vụ, chỉ đạo Lê Thị L là Kế toán trưởng làm trái công vụ: Lập hồ sơ, chứng từ không rút tiền từ ngân sách nhà nước để chi tiêu cho hoạt động của nhà trường, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền 49.304.000 đồng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lập không chứng từ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động

đứng đắn của cơ quan, tổ chức, làm mất lòng tin của nhân dân trong hoạt động quản lý Nhà nước nhưng vì muốn có tiền để chi trả các khoản mua sắm của Nhà trường mà không được Nhà nước thanh toán nên đã cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Bị cáo N là Hiệu trưởng, trực tiếp chỉ đạo bị cáo L thực hiện trái công vụ, giữ vai trò thứ nhất; bị cáo L là kế toán thực hiện trái công vụ theo sự chỉ đạo của bị cáo N nên giữ vai trò sau bị cáo N. Các bị cáo đều là người thực hành trong vụ án đồng phạm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang thực hành quyền công tố đã luận tội đối với các bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai báo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N được Chủ tịch UBND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tặng Giấy khen, có 02 năm được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và có bố, mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp lại số tiền 63.048.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng nên HĐXX sẽ xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả 2 bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo N giữ vai trò chính trong vụ án, là người chủ mưu, nên cần áp dụng hình phạt tù giam mới có tác dụng răn đe; bị cáo L giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, ngay khi bị phát hiện sai phạm đã kịp thời khắc phục hậu quả bằng việc nộp lại tiền vào Ngân sách nhà nước, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ quy định của pháp luật, sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có thể cho bị cáo L cải tạo tại địa phương tạo điều kiện giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm và cũng có tác dụng giáo dục thành công dân tốt, đồng thời bảo đảm mục đích đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội không nhằm mục đích vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với các tài liệu, sổ sách (sổ họp nghị quyết lãnh đạo, sổ quy chế chi tiêu nội bộ, tài liệu do Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Bình Giang thu thập, các chứng từ rút ngân sách) là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên được lưu trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị N.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị L.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị N và Lê Thị L phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Xử phạt:

- Bị cáo Vũ Thị N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 30/01/2024.

- Bị cáo Lê Thị L 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị L cho UBND xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Thị N và Lê Thị L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Bình Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Bình Giang;
- CQCSĐT Công an huyện Bình Giang;
- CQTHAHS Công an huyện Bình Giang;
- CQTHAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS Bình Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đức Chính (đã ký)